UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr-UBND	*Lai Châu, ngày tháng năm 2026*

(Dự thảo)

TỜ TRÌNH
Đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức chi hỗ trợ người trực tiếp giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 247/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về công tác tái hòa nhập cộng đồng;

Căn cứ Thông tư số 130/2026/TT-BTC ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nguyên tắc, định mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác tái hòa nhập cộng đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 247/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành quy định mức chi hỗ trợ người trực tiếp giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù trên địa bàn tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

Tại điểm l Khoản 9 Điều 31 Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/Qh15 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh "Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế cà khả năng cân đối ngân sách địa phương"

Tại điểm c Khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh

“Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước”

Tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 247/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về công tác tái hòa nhập cộng đồng quy định “Kinh phí thực hiện công tác tái hòa nhập cộng đồng do ngân sách nhà nước bảo đảm, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách, khả năng cân đối ngân sách và tiêu chuẩn, định mức chi theo quy định; trong đó có nội dung chi hỗ trợ người trực tiếp giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù.

Tại điểm b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 130/2026/TT-BTC ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nguyên tắc, định mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác tái hòa nhập cộng đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 247/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định “Chi hỗ trợ người trực tiếp giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù: Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào quyết định phân công người trực tiếp giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù, lập danh sách báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ nhiệm vụ thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định ban hành Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ người trực tiếp giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù áp dụng trên địa bàn theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước”

2. Cơ sở thực tiễn

Theo số liệu tổng hợp, rà soát của Công an tỉnh, đến ngày 30/9/2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu có 1.802 người chấp hành xong án phạt tù tái hòa nhập cộng đồng cư trú trên địa bàn các xã, phường. Số người được phân công trực tiếp giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù là 846 người.

Người mới chấp hành xong án phạt tù thường mang tâm lý mặc cảm, tự ti và gặp bỡ ngỡ trước những thay đổi của xã hội. Người được phân công đóng vai trò là cầu nối trực tiếp để lắng nghe, tư vấn tâm lý, hướng dẫn thủ tục pháp lý, tiếp cận các chính sách xã hội, học nghề, giới thiệu và tìm kiếm việc làm, vay vốn cho người chấp hành xong hình phạt tù. Đồng thời thông qua việc tiếp xúc thường xuyên, người trực tiếp giúp đỡ có thể nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng cũng như những biểu hiện lệch lạc của người chấp hành xong án phạt tù để uốn nắn, ngăn chặn từ sớm nguy cơ tái phạm tội hoặc vi phạm pháp luật.

Quá trình theo dõi, gặp gỡ, cảm hóa và hỗ trợ một người tái hòa nhập cộng đồng đòi hỏi nhiều thời gian, công sức và các chi phí đi lại, liên lạc của cá nhân nhận nhiệm vụ được giao phân công trực tiếp giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù. Do đó cần phải có quy định chế độ chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước giúp bù đắp một phần chi phí vật chất thực tế này, như vậy sẽ tạo động

lực và nâng cao trách nhiệm thực thi, được Nhà nước ghi nhận bằng chế độ đãi ngộ cụ thể, người được phân công sẽ có thêm động lực để sâu sát, kiên trì hơn với đối tượng mình phụ trách, tạo hành lang pháp lý minh bạch cho ngân sách địa phương và là cơ sở pháp lý để lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí hợp pháp cho lực lượng làm công tác này tại cơ sở.

Từ các cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ người trực tiếp giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu thực tiễn tại địa phương.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Cụ thể hóa quy định của Chính phủ và Bộ Tài chính về kinh phí bảo đảm cho công tác tái hòa nhập cộng đồng; quy định mức chi hỗ trợ người trực tiếp giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù trên địa bàn tỉnh Lai Châu, làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện, lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí theo quy định

2. Quan điểm

Bảo đảm đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương; xác định mức hỗ trợ phù hợp với nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối ngân sách địa phương; bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, đúng đối tượng, đúng thời gian được hưởng và không trùng lặp chế độ, chính sách.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG HỒ SƠ

1. Thực hiện Công văn số 8027/UBND-TH ngày 18/9/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Thông tư số 130/2026/TT-BTC ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Bộ Tài chính. Sở Tài chính đã chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và UBND các xã, phường rà soát đối tượng và dự kiến nhu cầu kinh phí; xây dựng dự thảo Nghị quyết và các tài liệu kèm theo để lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Ngày /10/2026, Sở Tài chính đã ban hành Công văn số /STC-QLNS gửi lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan. Toàn bộ nội dung, hồ sơ dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải trên mục "Lấy ý kiến về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật" tại Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu theo địa chỉ https://laichau.gov.vn.

3. Trên cơ sở các ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan, Sở Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu (*Có Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị vào dự thảo kèm theo*); đồng thời rà soát để chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết đề nghị Sở Tư pháp

thẩm định thực hiện thẩm định theo quy định *(Báo cáo thẩm định số /BC-STP ngày /10/2026).*

4. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (tại Báo cáo số /BC-STP ngày /10/2026), Sở Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết trình UBND tỉnh tại Tờ trình số /TTrSTC ngày /10/2026.

Dự thảo Nghị quyết đã được thông qua tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh ngày /10/2026; báo cáo xin ý kiến Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

IV. TÊN GỌI, BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Tên gọi: Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức chi hỗ trợ người trực tiếp giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Bố cục:

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng dưới hình thức văn bản quy định trực tiếp theo mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Dự thảo Nghị quyết gồm 05 điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Mức hỗ trợ, thời gian được hưởng hỗ trợ

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 5. Điều khoản thi hành

3. Nội dung của dự thảo Nghị quyết

3.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1)

3.1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi hỗ trợ người trực tiếp giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

3.1.1. Đối tượng áp dụng

a) Người được phân công trực tiếp giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, chấp hành, quyết toán kinh phí hỗ trợ người trực tiếp giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù trên địa bàn tỉnh.

*** Cơ sở đề xuất: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4** Thông tư số 130/2026/TT-BTC ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Bộ Tài chính**.**

3.2. Mức hỗ trợ, thời gian được hưởng hỗ trợ (Điều 2)

3.2.1. Mức hỗ trợ

Người được phân công trực tiếp giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù được hưởng mức hỗ trợ 360.000 đồng/tháng/người chấp hành xong hình phạt tù được giúp đỡ.

3.2.2. Thời gian được hưởng hỗ trợ

a) Người được phân công trực tiếp giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù được hưởng kinh phí hỗ trợ kể từ ngày Quyết định phân công có hiệu lực đến hết ngày Quyết định kết thúc giúp đỡ có hiệu lực.

b) Trường hợp người được phân công trực tiếp giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù trên địa bàn tỉnh không đủ một tháng thì thời gian quy đổi để tính kinh phí hỗ trợ được xác định như sau:

Thời gian thực hiện giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù dưới 15 ngày thì được tính quy đổi bằng 1/2 tháng.

Thời gian thực hiện giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù từ 15 ngày trở lên thì được tính quy đổi bằng 01 tháng.

c) Trường hợp người chấp hành xong hình phạt tù chuyển nơi cư trú: Mức hỗ trợ tại nơi đi và nơi đến được tính theo thời gian thực tế thực hiện giúp đỡ căn cứ trên Quyết định điều chỉnh/kết thúc và Quyết định tiếp nhận phân công giúp đỡ của cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm không chi trùng lặp thời gian hỗ trợ.

*** Cơ sở đề xuất:** Chính sách hỗ trợ nhằm bù đắp một phần chi phí cho người trực tiếp giúp đỡ người chấp hành xong hình phạt tù tái hòa nhập cộng đồng trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo quy định tại Khoản 1, Điều 12 của Nghị định số 247/2026/NĐ-CP.

Mức hỗ trợ 360.000 đồng/người/tháng được đề xuất trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các xã, phường và Công an tỉnh tại Công văn số 7480/CV-CAT ngày 06/10/2026. Mức hỗ trợ được bảo đảm đồng bộ, tương đồng với mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ người được phân công trực tiếp giúp đỡ người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

3.3. Nguồn kinh phí thực hiện (Điều 3)

Từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3.4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện (Điều 4)

3.4.1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

3.4.2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

*** Cơ sở đề xuất:** Việc quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm Nghị quyết được triển khai thống nhất, đồng bộ, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng nội dung, đúng định mức và phù hợp với quy định của pháp luật.

3.5. Điều khoản thi hành (Điều 5)

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026

Đối với trường hợp quyết định phân công được ban hành trước ngày Nghị quyết có hiệu lực, mức hỗ trợ được tính từ ngày Nghị quyết có hiệu lực, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XVI, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026./.

* Cơ sở đề xuất: Phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Nguồn lực và điều kiện bảo đảm thi hành Nghị quyết

a) Về nguồn nhân lực thực hiện: Việc thực hiện Nghị quyết không làm phát sinh tăng biên chế. Các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện có để tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Về kinh phí thực hiện khi ban hành Nghị quyết:

Tổng nhu cầu kinh phí dự kiến hàng năm được xác định trên cơ sở tổng hợp số đối tượng được rà soát của Công an tỉnh, đến ngày 30/9/2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu có 846 người được phân công giúp đỡ 1.802 người chấp hành xong án phạt tù tái hòa nhập cộng đồng cư trú trên địa bàn các xã, phường với mức hỗ trợ là 360.000 đồng/tháng/người được giúp đỡ. Bảo đảm mỗi người chấp hành xong hình phạt tù phải có một người trực tiếp giúp đỡ tái hòa nhập cộng đồng quy định tại Khoản 5 Điều 13 Nghị định số 247/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về công tác tái hòa nhập cộng đồng theo thời gian thực tế. Dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện hàng năm: 5.337 triệu đồng.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

Sau khi Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các nội dung của Nghị quyết; kịp thời báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện (nếu có).

3. Thời gian trình thông qua Nghị quyết: Dự kiến trình HĐND tỉnh khóa XVI xem xét, thông qua vào kỳ họp thứ … ngày….tháng …năm 2026.

VII. HỒ SƠ KÈM THEO TỜ TRÌNH

(1) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(2) Bản thuyết minh nội dung quy định

(3) Bản tổng hợp, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

(4) Báo cáo đánh giá việc phân cấp

(5) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp.

(6) Báo cáo giải trình, tiếp thu thẩm định của Sở Tư pháp

(7) Tập các văn bản tham gia của các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường.

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND và ĐBQH tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- VP UBND tỉnh: V, C;
- Lưu: VT, Kt8, Kt10.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN